

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk

Mã chứng khoán: EAD

Trụ sở chính: Phòng 6, Tầng 2, khu B, chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn  
Công Trứ, Phường Tự An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Điện thoại: 0262 2240159

Fax: 0262 3950817

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Quang Toàn - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 231 Lý Thường Kiệt, P. Thắng Lợi, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

ĐT di động: 0905002939      ĐT cố định: 0262 2240159

Fax: 0262 3950817

Loại thông tin công bố:  24h,  72h,  Yêu cầu,  Bất thường,  Định kỳ

Nội dung công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đại chúng sau kiểm toán

(File điện tử được đăng tải tại địa chỉ: [http:// www.dphc.com.vn](http://www.dphc.com.vn)).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn  
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đắk Lắk, Ngày 26 tháng 02 năm 2020

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



**Nguyễn Quang Toàn**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt ( **VIETVALUES**® )

*Công ty thành viên của JPA International*

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com)

Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



# **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐÀK LAK**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	11 - 31

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**1. Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000596136 ngày 31/10/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk, theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập cho đến nay, Công ty đã 06 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/05/2016.

Vốn điều lệ: 28.778.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2019: 28.778.000.000 đồng

**2. Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Phòng 6, tầng 2, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Điện thoại : (+84) 0262 – 2 240 159
- Fax : (+84) 0262 – 3 950 817

**3. Ngành nghề kinh doanh chính:** Đầu tư, xây dựng, khai thác và quản lý vận hành nhà máy thủy điện,...

**4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**4.1. Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đức Trọng	Chủ tịch	24/04/2017	
Ông Nguyễn Quang Toàn	Thành viên	24/04/2017	
Ông Bùi Văn Tuấn	Thành viên	24/04/2017	

**4.2. Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Nữ Hồng Nhung	Trưởng ban	24/04/2017	
Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên	24/04/2017	
Bà Hoàng Thị Thu Trang	Thành viên	24/04/2017	



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**4.3. Ban điều hành**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Toàn	Giám đốc	24/04/2017	
Ông Bùi Văn Tuấn	Phó Giám đốc	28/08/2007	
Bà Mai Thị Thu Thảo	Kế toán trưởng	24/04/2017	

**5. Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Toàn	Giám đốc

**6. Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 31.

**7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

**8. Kiểm toán viên**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tạt An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

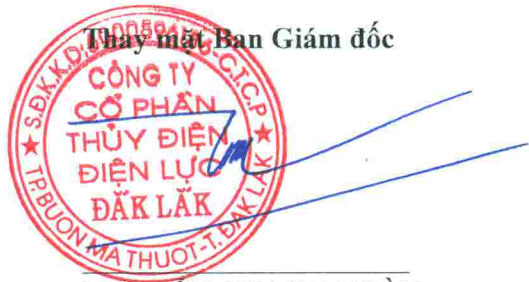
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**10. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Thay mặt Ban Giám đốc**

**NGUYỄN QUANG TOÀN**

**Giám đốc**

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 02 năm 2020



Số: 02/2020/BCKT/AUD-DNVVLUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐÀK LAK**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2020, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2020

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES**



**Trần Xuân Thạnh - P.Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CNĐKHN số: 1650-2018-071-1

Chữ ký được uỷ quyền

**Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN số: 3402-2020-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

DVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>13.117.212.858</b>	<b>14.454.230.222</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>7.769.907.281</b>	<b>10.646.799.572</b>
111	1. Tiền		3.265.589.848	3.039.912.372
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.504.317.433	7.606.887.200
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.798.400.494</b>	<b>3.258.448.026</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	4.673.522.007	3.131.008.412
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	105.000.000	105.000.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	19.878.487	22.439.614
137	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>548.750.000</b>	<b>548.750.000</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.5	548.750.000	548.750.000
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>155.083</b>	<b>232.624</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	155.083	232.624
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>82.390.935.528</b>	<b>88.147.343.135</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>81.633.923.792</b>	<b>86.813.791.276</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	81.557.228.743	86.737.096.227
222	- Nguyên giá		130.423.953.459	130.168.623.806
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(48.866.724.716)	(43.431.527.579)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.7	76.695.049	76.695.049
228	- Nguyên giá		156.695.049	156.695.049
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(80.000.000)	(80.000.000)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	<b>237.439.653</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	-	237.439.653
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>757.011.736</b>	<b>1.096.112.206</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9	757.011.736	1.096.112.206
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>95.508.148.386</b>	<b>102.601.573.357</b>

**CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, P. Tự An, tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, VN

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>59.612.838.259</b>	<b>67.514.202.514</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.488.829.922</b>	<b>7.436.804.177</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	1.000.000.000	2.252.917.114
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	1.820.738.513	1.137.519.132
314	4. Phải trả người lao động	V.12	197.354.633	543.905.162
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	62.938.860	67.098.333
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	170.407.916	3.195.982.436
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15a	-	93.260.000
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	237.390.000	146.122.000
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>56.124.008.337</b>	<b>60.077.398.337</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15b	56.124.008.337	60.077.398.337
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>35.895.310.127</b>	<b>35.087.370.843</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.17	<b>35.895.310.127</b>	<b>35.087.370.843</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		28.778.000.000	28.778.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		28.778.000.000	28.778.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		719.450.000	-
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.397.860.127	6.309.370.843
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		47.946.843	756.760.195
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		6.349.913.284	5.552.610.648
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>95.508.148.386</b>	<b>102.601.573.357</b>

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng




HỒ THỊ THANH THỦY

MAI THỊ THU THẢO



NGUYỄN QUANG TOÀN

**CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, P. Tự An, tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, VN

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	26.092.365.066	29.171.104.009
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.092.365.066	29.171.104.009
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	11.366.666.082	12.066.230.770
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.725.698.984	17.104.873.239
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	182.057.071	320.576.071
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	6.465.754.646	6.702.523.871
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		6.465.754.646	6.702.523.871
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	1.690.419.942	1.849.888.675
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.751.581.467	8.873.036.764
31	11. Thu nhập khác	VI.6	209.400.000	18.378.334
32	12. Chi phí khác		262.341.511	-
40	13. Lợi nhuận khác		(52.941.511)	18.378.334
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.698.639.956	8.891.415.098
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.11	348.726.672	461.004.450
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.349.913.284	8.430.410.648
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	2.074	2.754
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	2.074	2.754

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng




HỒ THỊ THANH THỦY

MAI THỊ THU THẢO



NGUYỄN QUANG TOÀN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

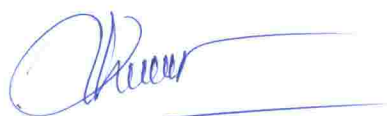
ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>6.698.639.956</b>	<b>8.891.415.098</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.6, V.7	5.435.197.137	5.414.694.900
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(182.057.071)	(320.576.071)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	6.465.754.646	6.702.523.871
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>18.417.534.668</b>	<b>20.688.057.798</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.554.436.054)	1.567.644.202
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	(99.590.000)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(1.109.393.454)	(1.813.980.502)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		339.100.470	(765.799.480)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6.469.914.119)	(6.708.259.382)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.11	(320.000.000)	(270.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(414.556.000)	(587.684.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>8.888.335.511</b>	<b>12.010.388.636</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(17.890.000)	(338.232.273)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		196.618.198	342.304.976
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>178.728.198</b>	<b>4.072.703</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.1	(4.046.650.000)	(5.482.090.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.897.306.000)	(10.907.482.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(11.943.956.000)</b>	<b>(16.389.572.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(2.876.892.291)</b>	<b>(4.375.110.661)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>10.646.799.572</b>	<b>15.021.910.233</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	V.1	<b>7.769.907.281</b>	<b>10.646.799.572</b>

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng




HỒ THỊ THANH THỦY

MAI THỊ THU THẢO



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000596136 ngày 31/10/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập cho đến nay, Công ty đã 06 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/05/2016.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực khai thác và sản xuất điện năng.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là đầu tư, xây dựng, khai thác và quản lý vận hành nhà máy thủy điện,...

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

#### **6. Cấu trúc Công ty**

Công ty không có đơn vị trực thuộc không có pháp nhân hạch toán phụ thuộc và không đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

#### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

#### **8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 16 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 17 nhân viên).

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

---

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

11.1.5.2.4.5.1.1.1

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được

11/01/2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**5. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

**Chi phí trồng bù rừng**

Chi phí trồng bù rừng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuộc dự án thủy điện.

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	10 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hết khấu hao

**7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

### **8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **10. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

**11. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu bán thành phẩm điện năng**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

**13. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

**14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

**15. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

**16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

**17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**19. Báo cáo theo bộ phận**

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)**
**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.260.997	3.151.206
Tiền gửi ngân hàng	3.262.328.851	3.036.761.166
Các khoản tương đương tiền (*)	4.504.317.433	7.606.887.200
<b>Cộng</b>	<b><u>7.769.907.281</u></b>	<b><u>10.646.799.572</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi kỳ hạn có thời hạn < 3 tháng.

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>4.673.522.007</b>	<b>3.131.008.412</b>
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	4.673.522.007	3.131.008.412
<b>Cộng</b>	<b><u>4.673.522.007</u></b>	<b><u>3.131.008.412</u></b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>105.000.000</b>	<b>105.000.000</b>
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương mại	90.000.000	90.000.000
- Các nhà cung cấp khác	15.000.000	15.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>105.000.000</u></b>	<b><u>105.000.000</u></b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.878.487	-	22.439.614	-
- Lãi dự thu	7.878.487	-	22.439.614	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	12.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>19.878.487</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>22.439.614</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	548.750.000	-	548.750.000	-
<b>Cộng</b>	<b>548.750.000</b>	<b>-</b>	<b>548.750.000</b>	<b>-</b>

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	82.741.128.091	46.607.200.737	784.268.650	36.026.328	130.168.623.806
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
XDCB hoàn thành	-	255.329.653	-	-	255.329.653
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>82.741.128.091</b>	<b>46.862.530.390</b>	<b>784.268.650</b>	<b>36.026.328</b>	<b>130.423.953.459</b>
<i>Trong đó:</i>					
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	36.026.328	36.026.328
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	22.482.128.027	20.600.106.698	313.266.526	36.026.328	43.431.527.579
Khấu hao trong năm	2.964.726.947	2.390.346.141	80.124.049	-	5.435.197.137
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>25.446.854.974</b>	<b>22.990.452.839</b>	<b>393.390.575</b>	<b>36.026.328</b>	<b>48.866.724.716</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	60.259.000.064	26.007.094.039	471.002.124	-	86.737.096.227
<b>Số cuối năm</b>	<b>57.294.273.117</b>	<b>23.872.077.551</b>	<b>390.878.075</b>	<b>-</b>	<b>81.557.228.743</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 80.192.728.555 đồng đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (Xem tại Thuyết minh số V.15).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**7. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	76.695.049	80.000.000	156.695.049
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>76.695.049</b>	<b>80.000.000</b>	<b>156.695.049</b>
<i>Trong đó:</i>			
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	80.000.000	80.000.000
- Chờ thanh lý	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	80.000.000	80.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>80.000.000</b>	<b>80.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	76.695.049	-	76.695.049
<b>Số cuối năm</b>	<b>76.695.049</b>	<b>-</b>	<b>76.695.049</b>

Quyền sử dụng đất tại Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 38 Nguyễn Công Trứ, Phường Tự An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk; được sử dụng để làm văn phòng Công ty, thời gian sử dụng lâu dài.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	-	-	-	-
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>237.439.653</b>	<b>17.890.000</b>	<b>255.329.653</b>	<b>-</b>
- Lắp đặt thiết bị kết nối Scada	237.439.653	17.890.000	255.329.653	-
<b>Cộng</b>	<b>237.439.653</b>	<b>17.890.000</b>	<b>255.329.653</b>	<b>-</b>

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	81.337.779	146.849.550
Chi phí sửa chữa tài sản	143.064.270	381.073.653
Chi phí trồng bù rừng	532.479.077	567.535.889
Chi phí dài hạn khác	130.610	653.114
<b>Cộng</b>	<b>757.011.736</b>	<b>1.096.112.206</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.096.112.206	330.312.726
Tăng trong năm	17.900.000	1.020.553.682
Phân bổ trong năm	(357.000.470)	(254.754.202)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>757.011.736</b>	<b>1.096.112.206</b>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>2.252.917.114</i>
- Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng 470	1.000.000.000	2.252.917.114
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>2.252.917.114</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	859.241.425	-	2.469.424.820	1.981.812.750	1.346.853.495	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.724.555	-	348.726.672	320.000.000	211.451.227	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.400.000	-	441.782.395	437.337.972	6.844.423	-
Thuế tài nguyên	93.153.152	-	2.165.436.739	2.003.000.523	255.589.368	-
Thuế nhà đất	-	232.624	77.541	-	-	155.083
Các loại thuế khác	-	-	26.020.000	26.020.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	291.119.000	291.119.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.137.519.132</b>	<b>232.624</b>	<b>5.742.587.167</b>	<b>5.059.290.245</b>	<b>1.820.738.513</b>	<b>155.083</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với điện thương phẩm là 10%; các hoạt động khác áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Riêng đối với thu nhập từ dự án Nhà máy thủy điện Ea Đrăng 2 tại xã Ea Wy, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk thì được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2011 đến năm 2026), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án này, do vậy Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 đến năm 2017 và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 2018 đến năm 2026. Những ưu đãi trên được quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thu hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>6.698.639.956</b>	<b>8.891.415.098</b>
- Hoạt động kinh doanh chính	6.698.639.956	8.873.036.764
- Hoạt động khác	-	18.378.334
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để	275.893.477	273.538.897
- Các khoản điều chỉnh tăng	275.893.477	273.538.897
+ Chi phí điều chỉnh tăng khi tính thuế	275.893.477	273.538.897
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>6.974.533.433</b>	<b>9.164.953.995</b>
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>6.974.533.433</b>	<b>9.164.953.995</b>
- Hoạt động kinh doanh chính	6.974.533.433	9.146.575.661
- Hoạt động khác	-	18.378.334
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	697.453.344	918.333.234
- Hoạt động kinh doanh chính	697.453.344	914.657.567
- Hoạt động khác	-	3.675.667
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	348.726.672	457.328.784
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>348.726.672</b>	<b>461.004.450</b>

**Tiền thuê đất, tiền sử dụng đất**

Đối với đất sử dụng thuộc Dự án Nhà máy thủy điện Ea Đrăng 2 tại xã Ea Wy, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk được miễn tiền thuê đất đối với diện tích được giao. Mặt khác, Công ty còn được miễn tiền phí sử dụng đất phi nông nghiệp trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**12. Phải trả người lao động**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	197.354.633	543.905.162
<b>Cộng</b>	<b>197.354.633</b>	<b>543.905.162</b>

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	62.938.860	67.098.333
<b>Cộng</b>	<b>62.938.860</b>	<b>67.098.333</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>170.407.916</b>	<b>3.195.982.436</b>
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	26.903.708	26.592.276
- Cổ tức phải trả	44.802.000	2.905.958.000
- Quỹ Bảo vệ Phát triển Rừng tỉnh Đắk Lắk (*)	98.702.208	263.432.160
<b>Cộng</b>	<b>170.407.916</b>	<b>3.195.982.436</b>

(\*) Là khoản phí dịch vụ môi trường rừng còn phải trả Quỹ bảo vệ Phát triển Rừng tỉnh Đắk Lắk.

**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	93.260.000	93.260.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	93.260.000	93.260.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>93.260.000</b>	<b>93.260.000</b>

**15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>				
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	56.124.008.337	56.124.008.337	60.077.398.337	60.077.398.337
<b>Cộng</b>	<b>56.124.008.337</b>	<b>56.124.008.337</b>	<b>60.077.398.337</b>	<b>60.077.398.337</b>

Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk được thể hiện tại Hợp đồng tín dụng 0015/2015/HĐTD-ĐN ngày 10/04/2015, nội dung cụ thể như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Mục đích vay: tái tài trợ khoản vay chi phí đầu tư dự án thủy điện Ea Drăng 2 tại huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk
- Thời hạn vay: 192 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên.
- Lãi suất: 8,5% cố định trong vòng 12 tháng đầu tiên. Từ tháng 13 trở đi áp dụng lãi suất thả nổi.
- Tài sản thế chấp: được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 0015/2015/BĐ ngày 29/06/2015 và Hợp đồng thế chấp số 0015.2/2015/BĐ ngày 29/06/2015 với giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay là 80.192.728.555 đồng (Xem thuyết minh V.6).

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	146.122.000	505.824.000	414.556.000	237.390.000
<b>Cộng</b>	<b>146.122.000</b>	<b>505.824.000</b>	<b>414.556.000</b>	<b>237.390.000</b>

**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	28.778.000.000	-	8.109.506.195	36.887.506.195
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	8.430.410.648	8.430.410.648
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(733.806.000)	(733.806.000)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(9.496.740.000)	(9.496.740.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>28.778.000.000</b>	<b>-</b>	<b>6.309.370.843</b>	<b>35.087.370.843</b>
Số dư đầu năm nay	28.778.000.000	-	6.309.370.843	35.087.370.843
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	6.349.913.284	6.349.913.284
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	719.450.000	(719.450.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(505.824.000)	(505.824.000)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(5.036.150.000)	(5.036.150.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>28.778.000.000</b>	<b>719.450.000</b>	<b>6.397.860.127</b>	<b>35.895.310.127</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**
**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm (điện thương phẩm)	26.092.365.066	29.171.104.009
<b>Cộng</b>	<b><u>26.092.365.066</u></b>	<b><u>29.171.104.009</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm (điện thương phẩm)	11.366.666.082	12.066.230.770
<b>Cộng</b>	<b><u>11.366.666.082</u></b>	<b><u>12.066.230.770</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	182.057.071	320.576.071
<b>Cộng</b>	<b><u>182.057.071</u></b>	<b><u>320.576.071</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.465.754.646	6.702.523.871
<b>Cộng</b>	<b><u>6.465.754.646</u></b>	<b><u>6.702.523.871</u></b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	787.496.515	872.028.577
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.750.500	97.750.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.591.804	167.036.906
Chi phí khác	641.581.123	713.072.692
<b>Cộng</b>	<b><u>1.690.419.942</u></b>	<b><u>1.849.888.675</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**6. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	209.400.000	-
Tiền chênh lệch xử lý	-	18.378.334
<b>Cộng</b>	<b>209.400.000</b>	<b>18.378.334</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khắc phục sự cố do thiên tai	259.400.000	-
Phạt vi phạm hành chính	2.941.511	-
<b>Cộng</b>	<b>262.341.511</b>	<b>-</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.349.913.284	8.430.410.648
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(380.995.000)	(505.824.000)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(380.995.000)	(505.824.000)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	5.968.918.284	7.924.586.648
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.877.800	2.877.800
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)</b>	<b>2.074</b>	<b>2.754</b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm trích tỷ lệ 6% theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 55/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột,  
tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.877.800	2.877.800
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong</b>	<b>2.877.800</b>	<b>2.877.800</b>

**9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	5.968.918.284	7.924.586.648
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.968.918.284	7.924.586.648
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.877.800	2.877.800
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>2.074</b>	<b>2.754</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	151.410.000
Chi phí nhân công	2.254.882.355	2.521.841.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.435.197.137	5.414.694.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	543.200.469	797.845.110
Chi phí khác	4.823.806.063	5.030.327.492
<b>Cộng</b>	<b>13.057.086.024</b>	<b>13.916.119.445</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VNĐ)**
**1. Tiền trả nợ gốc vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền chi trả nợ vay theo kế ước thông thường	4.046.650.000	5.482.090.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.046.650.000</u></b>	<b><u>5.482.090.000</u></b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**
**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty chỉ có giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>893.282.500</b>	<b>1.183.954.000</b>
<i>Thù lao</i>	132.000.000	132.000.000
<i>Cổ tức</i>	761.282.500	1.051.954.000
<b>Ban điều hành</b>	<b>376.707.148</b>	<b>383.479.855</b>
<i>Tiền lương</i>	376.707.148	383.479.855
<i>Cổ tức</i>	-	-
<b>Ban kiểm soát</b>	<b>108.575.000</b>	<b>122.540.000</b>
<i>Thù lao</i>	72.000.000	72.000.000
<i>Cổ tức</i>	36.575.000	50.540.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.378.564.648</u></b>	<b><u>1.689.973.855</u></b>

**2. Báo cáo bộ phận**

- *Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất điện thương phẩm.

- *Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**3. Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Ghuần Việt tại Đà Nẵng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 02 năm 2020

**HỒ THỊ THANH THỦY**  
Người lập biểu

**MAI THỊ THU THẢO**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN QUANG TOÀN**  
Giám đốc

